TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:191/2018/HS-PT
Ngày: 08-11-2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Thẩm phán: Ông Lương Văn Hiển

Ông Trần Khánh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thái Hưng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 131/2018/TLPT-HS ngày 17/8/2018, đối với bị cáo Hoàng Diệu T do có kháng cáo của bị cáo T và người bị hại ông Đinh Văn Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T2 đối với bản án Hình sự sơ thẩm số 262/2018/HS-ST ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

* Bị cáo kháng cáo:

Hoàng Diệu T, sinh ngày 22/4/1978;

ĐKHKTT: Xóm 1 KT1, xã KS, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, phường T3V, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không**;**Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Hoàng Văn T3 (đã chết); Con bà Đoàn Thị K; Có chồng là Ma Văn Ư (đã chết); Hiện đang sống chung như vợ chồng với anh Trương Tiến S; Có 03 con; Tiền án:

- Bản án số 408/2013/HSST ngày 30/9/2013 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

- Bản án số 81/2013/HSST ngày 16/12/2013 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 09 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Tổng hợp hình phạt với bản án số 408/2013/HSST ngày 30/9/2013, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt cả hai bản án là 11 năm tù; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác (Có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo do Trung tâm pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử: Ông Nguyễn Mạnh A, luật sư văn phòng luật sư An Toàn, đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

* Người bị hại kháng cáo: Ông Đinh Văn Đ, sinh năm 1955 (có mặt buổi sáng, vắng mặt buổi chiều)

Trú tại: Tổ 2, thị trấn HS, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:

Ông Bùi Mạnh T2, sinh năm 1960 (có mặt buổi sáng, vắng mặt buổi chiều).

Trú tại: Xóm NB, xã T4T5, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

*Người bị hại không kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1964

Trú tại: Xóm 2, thôn T6S, xã H2S, huyện H3H4, tỉnh BG (vắng mặt).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:

1) Chị Lý Thị V, sinh năm 1971

Trú quán: Tổ 21, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

2) Ông Lý Phúc K, sinh năm 1969 (có mặt buổi sáng, vắng mặt buổi chiều).

Trú tại; Xóm CR, thị trấn ĐC, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

*Người làm chứng:

1) Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Trú tại: Xóm 2, thôn T6S, xã H2S, huyện H3H4, tỉnh BG.

2) Chị: Lý Thị Bích Ng, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Trú tại: Xóm CR, thôn TS, xã H2S, huyện H3H4, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lý Thị V có quan hệ quen biết với Hoàng Diệu T, do không có công ăn việc làm và cần tiền chi tiêu cá nhân, T đã đưa ra thông tin gian dối với V, là T có khả năng xin được việc cho những ai có nhu cầu vào công chức. T nói với V, nếu biết ai có nhu cầu xin việc thì giới thiệu, nộp hồ sơ và đưa tiền cho T, T sẽ "chạy giúp" cho vào các cơ quan như Cục Thuế, các Trường học, Công ty Sam Sung… với các mức tiền khác nhau.

Trong khoảng thời gian từ tháng 07 đến tháng 9 năm 2014, Lý Thị V đã nhận hồ sơ xin việc và tiền của nhiều người đưa cho Hoàng Diệu T, để T giúp họ thi đỗ công chức và được làm việc tại các cơ quan Nhà nước. Cụ thể:

Trường hợp thứ nhất: Khoảng tháng 7/2014, V có quen biết ông Đinh Văn Đ, V nói với ông Đ là V có quen người có khả năng xin việc và bảo ông Đ có quen biết ai thì làm hồ sơ gửi cho V. Do ông Đ quen ông Lý Phúc K, ông K nhờ ông Đ xem có quen biết ai thì xin việc cho con gái là Lý Thị Bích Ng đã tốt nghiệp trường Đại học khoa học Thái Nguyên, nên ông Đ đã nhờ Lý Thị V xin việc cho Ng.

V nói với T là có một trường hợp học Đại học Khoa học Thái Nguyên xem có thi được vào biên chế không. T lên mạng lấy thông tin, thấy trường Trung học phổ thông Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên có đợt thi tuyển biên chế, nên đã nói với V xin vào đó thì phải đưa cho T 150.000.000đ; Lý Thị V đã bảo ông Đ làm hồ sơ và đưa cho V 145.000.000đ. Khoảng tháng 8/2014 ông Đ đã đưa cho V hồ sơ của chị Ng và số tiền 145.000.000đ tại chỗ ở của V, thuộc tổ 2, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, V đã viết giấy biên nhận tiền, sau đó V chuyển hồ sơ của chị Ng và chuyển tiền cho T làm 02 lần là 120.000.000đ; Lần thứ nhất ngày 28/8/2014, V đưa cho T 100.000.000đ, lần thứ hai ngày 29/9/2014 V đưa cho T 20.000.000đ, khi nhận tiền của V, T đều viết giấy biên nhận tiền. Số tiền còn lại V khai giữ lại để khi nào T xin được việc cho Ng thì sẽ đưa cho T.

T đã lên mạng in tài liệu đưa cho V và bảo V đưa cho Ng để Ng trực tiếp đi nộp hồ sơ và ôn thi theo tài liệu. Từ ngày 23/9/2014 đến 06/10/2014 chị Ng tham gia thi tuyển biên chế vào trường Trung học phổ thông Bắc Sơn nhưng không đỗ.

Sau khi nhận tiền của V, T đã không đưa cho bất kỳ ai, không nhờ hay tác động đến bất kỳ người nào để xin việc cho Ng mà sử dụng hết số tiền trên vào mục đích cá nhân.

Trường hợp thứ hai: Cùng với thủ đoạn trên, tháng 8 năm 2014 T đã đưa ra thông tin với Lý Thị V là có khả năng xin được đỗ biên chế vào Cục thuế tỉnh Thái Nguyên với số tiền 240.000.000đ. Lý Thị V đã nói với ông Bùi Mạnh T2 là có quen biết người có khả năng xin được đỗ biên chế vào Cục thuế tỉnh Thái Nguyên với giá 240.000.000đ. Do có quan hệ họ hàng với bà Nguyễn Thị H1, biết bà H1 có con gái là Đoàn Thị H5 tốt nghiệp Đại học khoa tài chính Ngân hàng và đang có nhu cầu xin việc, nên ông T2 đã nói thông tin trên cho gia đình bà H1 biết. Bà H1 đã nhờ ông T2 xin việc cho H5 và đưa cho ông T2 hồ sơ của H5 và số tiền 245.000.000đ. Ông T2 đã nộp hồ sơ của H5 và đưa cho V nhiều lần, tổng số 220.000.000đ tại nhà V, thuộc tổ 2 phường GS, thành phố Thái Nguyên.

V đã chuyển hồ sơ của H5 và chuyển nhiều lần tiền cho T tổng cộng 180.000.000đ, có viết giấy giao nhận tiền, để T xin việc cho H5 vào Cục thuế tỉnh Thái Nguyên. Số tiền còn lại V khai giữ lại để khi nào T xin được việc cho H5 thì sẽ đưa cho T.

Sau khi nhận được hồ sơ của H5 và số tiền 180.000.000đ do V đưa, T nộp hồ sơ cho H5 vào Cục thuế tỉnh Thái Nguyên và lên mạng Intenet in tài liệu đưa cho V để V đưa cho H5 ôn thi. H5 có đi thi nhưng không trúng tuyển.

T khai đã sử dụng khoảng 1.000.000đ để photo tài liệu cho H5, số tiền còn lại T không đưa cho ai cũng không có bất kỳ tác động nào để xin việc cho H5, T đã sử dụng số tiền này để tiêu sài cá nhân.

Ngày 22/8/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên quyết định trưng cầu giám định chữ viết; chữ ký đối với các mẫu chữ viết và chữ ký ghi tên Hoàng Diệu T được viết trên các giấy vay tiền (ngày 22/8/2014 và ngày 23/9/2014) do Lý Thị V đã cung cấp.

Tại bản Kết luận giám định số 952/KL-PC54 ngày 28/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Mẫu chữ viết "Giấy nhận tiền" của Lý Thị V cung cấp với mẫu chữ trong bản tường trình của Hoàng Diệu T là cùng một người viết ra.

Tại cơ quan điều tra: T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên, sau đó T đã thay đổi lời khai. T khai trước đó T khai báo tại Cơ quan điều tra là đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản là không đúng, T không có nghề nghiệp gì, chỉ ở nhà, T cung cấp thông tin, hướng dẫn người dự thi, kiểm tra hồ sơ, photo tài liệu qua Intenet để cung cấp cho người dự thi và bảo cứ ôn thi theo tài liệu này sẽ đỗ, những gì T làm cho người dự thi chỉ mang tính chất giúp đỡ họ, T không khẳng định người thi có đỗ hay không, nếu họ đỗ T sẽ lấy số tiền như đã thỏa thuận với V.

Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền Hoàng Diệu T đã nhận của Lý Thị V để xin việc cho nhiều trường hợp là 670.000.000đ; trong đó có 300.000.000đ T nhận của V để xin việc cho Lý Thị Bích Ng và Đoàn Thị H5. T chỉ thừa nhận cầm của V 520.000.000đ cho tất cả các hồ sơ, T đã trả cho V 254.000.000đ theo giấy tờ giao nhận.

- Số tiền V đã nhận của ông Đinh Văn Đ là 145.000.000đ để xin việc cho Ng và 90.000.000đ để xin cho một số trường hợp khác không nhớ. V đã trả ông Đ được 110.000.000đ, ông Đ yêu cầu V phải trả số tiền còn lại.

- Số tiền V đã nhận của ông Bùi Mạnh T2 để xin việc cho H5 là 220.000.000đ, V đã trả cho ông T2 được 140.000.000đ. Ông T2 yêu cầu V phải trả hết số tiền còn lại.

- Số tiền ông Bùi Mạnh T2 đã nhận của bà Nguyễn Thị H1 là 245.000.000đ; ông T2 đã trả cho bà H1 167.000.000đ. Bà H1 yêu cầu ông T2 phải trả hết số tiền còn lại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 262 ngày 10/7/2018 Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Diệu T11 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với hình phạt 11 năm tù của Bản án số 81/2013/HSST ngày 16/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, buộc Hoàng Diệu

Tphải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 22 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 131 Bộ luật dân sự:

Buộc Hoàng Diệu T phải trả cho chị Lý Thị V 46.000.000đ đã nộp 27.000.000đ, nay còn phải trả tiếp 19.000.000đ.

Buộc chị Lý Thị V trả cho ông Đinh Văn Đ 35.000.000đ; trả cho ông Bùi Mạnh T2 80.000.000đ.

Buộc ông Bùi Mạnh T2 trả cho bà Nguyễn Thị H1 78.000.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định buộc bị cáo chịu án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/7/2018 bị cáo Hoàng Diệu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 23/7/2018 Người bị hại ông Đinh Văn Đ kháng cáo đề nghị xem xét vai trò của Lý Thị V là cùng đồng phạm với T; đề nghị buộc chị V phải trả cho ông tổng số tiền 125.000.000đ.

Ngày 23/7/2018 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Mạnh T2 kháng cáo đề nghị xem xét vai trò của V; buộc ông phải trả số tiền 78.000.000đ cho bà H1 là không đúng vì bà H1 không kiện ông và không yêu cầu ông phải bồi thường và buộc ông chịu 3.900.000đ án phí dân sự là không đúng.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T giữ nguyên nội dung xin giảm án và bổ sung kháng cáo đề nghị xem xét vai trò của V phải bị xét xử như bị cáo; Ông Đ và ông T2 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phần kết luận tại phiên toà sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phân tích đánh giá tính chất vụ án, nhân thân các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và các vấn đề liên quan đến kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Diệu T, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo của bản án sơ thẩm đã xử phạt; Không chấp nhận kháng cáo đưa V ra xét xử của người bị hại Ông Đ và ông T2; không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn Đ buộc Lý Thị V trả cho ông 125.000.000đ; Chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Mạnh T2, không buộc ông T2 phải trả cho bà H1 78.000.000đ và không buộc ông T2 phải chịu án phí dân sự.

Bị cáo không tranh luận gì

Luật sư bào chữa cho bị cáo T: Việc khởi tố truy tố đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, luật sư băn khoăn về số tiền T và V giao dịch, T đã trả cho V 114 triệu đồng kết thúc giao dịch là ngày 13/6/2017; ngày 03/8/2017 cơ quan điều tra mới khởi tố vụ án, hai bên đã trả nhau, theo Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì

T chỉ bị khởi tố theo khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm án cho T. Còn các vấn đề kết luận khác của Viện kiểm sát luật sư không có ý kiến gì.

Viện kiểm sát: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã căn cứ vào số tiền T đã nhận của V là 300.000.000đ, việc bị cáo trả là khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo nhất trí với luận cứ của luật sư, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo, điều kiện hoàn cảnh của bị cáo hiện nay con nhỏ hết sức khó khăn xin được giảm án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Hoàng Diệu T; ông Đinh Văn Đ là người bị hại; ông Bùi Mạnh T2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều làm trong hạn luật định được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Hoàng Diệu Tkhai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã mô tả: Hoàng Diệu T đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối là có khả năng xin được vào biên chế của Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên và Trường PTTH Bắc Sơn nhằm chiếm đoạt số tiền 300.000.000đ của bà Nguyễn Thị H1, ông Đinh Văn Đ thông qua Lý Thị V. Sau khi lấy được tiền, T đã không tác động đến bất cứ tổ chức cá nhân nào để xin việc cho họ mà dùng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Với hành vi trên Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã xét xử bị cáo Hoàng Diệu T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Hoàng Diệu T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo xét xử bị cáo mức hình phạt 11 năm tù. Tại phiên tòa phúc hôm nay bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải khai nhận hành vi phạm tội của mình, xác định tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng. Bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét toàn diện vụ án Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt, động V bị cáo yên tâm cải tạo, sớm về với gia đình và xã hội, thể hiện tính khoan hồng trong pháp luật nhà nước ta.

Đối với kháng cáo của ông Đinh Văn Đ và ông Bùi Mạnh T2: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hành vi của chị V thì thấy qua các tài liệu có trong

hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo T thì V không có sự bàn bạc và không biết T không có khả năng xin việc mà do T đưa ra thông tin gian dối quen biết lãnh đạo một số ban ngành trong tỉnh xin được việc cho mọi người V đã nhờ T nên không đủ căn cứ V đồng phạm với T.

Đối với nội dung ông Đ đề nghị buộc V phải trả cho ông Đ số tiền 90.000.000đ về vấn đề này quá trình điều tra cơ quan điều tra không xem xét trong vụ án này, theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự giới hạn của việc xét xử nên Hội đồng xét xử thấy không đủ căn cứ xem xét.

Đối với kháng cáo về khoản tiền cấp sơ thẩm buộc ông T2 phải trả cho bà Nguyễn Thị H1 Hội đồng xét xử thấy: Quá trình điều tra bà H1 có lời khai đề nghị ông T2 trả bà số tiền chưa thanh toán. Tại phiên tòa sơ thẩm bà H1 vắng mặt tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét đầy đủ chỉ căn cứ vào lời khai duy nhất của bà H1 vào ngày 06/11/2017 để buộc ông T2 trả số tiền 78.000.000đ cho bà H1. Căn cứ vào lời khai của ông Bùi Mạnh T2 và lời khai ngày 08/10/2018 bà H1 khẳng định không có yêu cầu gì đối với ông T2 về khoản tiền bà đã đưa cho ông T2 nhờ ông T2 xin việc cho con bà là chị Đoàn Thị H5 vì trước khi xét xử sơ thẩm ông T2 đã trả đầy đủ cho bà, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Mạnh T2 sửa phần trách nhiệm dân sự, không buộc ông Bùi Mạnh T2 trả bà Nguyễn Thị H1 số tiền 78.000.000đ. Do có việc sửa phần trách nhiệm dân sự nên ông T2 không phải chịu án phí dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét lại.

Như phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn điểm a,b khoản 1 Điều 355; điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hoàng Diệu T và của ông Bùi Mạnh T2, sửa bản án sơ thẩm số 262 ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên; không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn Đ giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm số 262 ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đối với các quyết định trách nhiệm dân sự về phần của ông Đinh Văn Đ.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Diệu T phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b,s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Hoàng Diệu T 09 (chín) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp với hình phạt 11 năm tù tại bản án số 81/2013/HSST ngày 16/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã xử phạt đối với T, buộc bị cáo Hoàng Diệu T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là

20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành bản án.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 589; Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Buộc Hoàng Diệu T phải trả cho chị Lý Thị V 46.000.000đ đã nộp 27.000.000đ, nay còn phải trả tiếp 19.000.000đ.

- Buộc chị Lý Thị V trả cho ông Đinh Văn Đ 35.000.000đ.

- Buộc chị Lý Thị V trả cho ông Bùi Mạnh T2 80.000.000đ.

Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí . Bị cáo Hoàng Diệu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; ông Bùi Mạnh T2 không phải chịu án phí dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSTỉnhTN; Sở TP;
- VKSND TPTN;
- TANDTPTN;
- CA TPTN;
- THADS TPTN;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

THÀNH V HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Phương